

# Chính sách đào tạo đại học theo nhu cầu xã hội: kinh nghiệm của một số quốc gia và bài học cho Việt Nam

Nguyễn Thị Thu Hằng  
Học viện Hành chính Quốc gia

Những năm gần đây đào tạo theo nhu cầu xã hội là một vấn đề rất được quan tâm nghiên cứu và có nhiều quan điểm khác nhau. Có nhiều quan điểm của các chuyên gia, các nhà nghiên cứu, các nhà quản lý về đào tạo đại học theo nhu cầu xã hội. Chính sách đối với đào tạo theo nhu cầu xã hội tương tự như các chính sách khác, cũng bao gồm mục tiêu, công cụ và biện pháp. Mục tiêu chung của chính sách đối với đào tạo theo nhu cầu xã hội là tạo lập môi trường, điều kiện từ đó đảm bảo, hỗ trợ cũng như thúc đẩy các cơ sở đào tạo thực hiện theo nhu cầu xã hội.

## 1. Kinh nghiệm quốc tế về chính sách đào tạo đại học theo nhu cầu xã hội

### 1.1. Kinh nghiệm của Malaysia

Với quy mô dân số khoảng 28.3 triệu người, Malaysia có hệ thống giáo dục đại học ngày càng lớn mạnh trong vài thập kỷ gần đây. Trong 10 năm qua, hệ thống giáo dục đại học Malaysia đã đạt được kết quả rất quan trọng về tuyển sinh, gia tăng nhận dạng toàn cầu về một số khía cạnh chủ chốt như công bố kết quả nghiên cứu, cấp bằng sáng chế, chất lượng cơ sở đào tạo đại học cũng như trở thành điểm đến hàng đầu đối với sinh viên quốc tế.

Malaysia đã áp dụng “Luật phát triển nguồn nhân lực” vào năm 1992 để hỗ trợ cho các kế hoạch và chính sách của nhà nước về phát triển nguồn nhân lực. Luật này cho phép thu thuế nguồn nhân lực từ những người sử dụng lao động để xúc tiến các hoạt động đào tạo và phát triển nhân lực. Luật này cung cấp nền tảng cho việc thiết lập “Quỹ phát triển nguồn nhân lực” (HRD fund), được triển khai từ tháng 1 năm 1992. Người sử dụng lao động có trách nhiệm nộp thuế sử dụng lao động cho mỗi lao động sử dụng theo tỉ lệ 1% lương tháng của người lao động. Đối với các doanh nghiệp có không quá 49 lao động và vốn đầu tư không quá 2.5 triệu Ringgit được hưởng mức thuế 0.5% và phần còn lại sẽ được tài trợ bởi Ủy ban Đào tạo nghề nghiệp quốc gia. Mục tiêu của Quỹ HRD là sử dụng cho mục đích thúc đẩy đào tạo, thông qua hỗ trợ tài chính và các lợi ích khác, chịu trách nhiệm về đánh giá và quyết định các mô hình, quy mô đào tạo cũng như tái đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của các ngành công nghiệp. Quỹ này cũng được sử dụng hỗ trợ tài chính cho người sử dụng lao động theo cách thức học bổng/tài trợ hay cung cấp các khoản vay cho mục đích đào tạo nhân viên.

Năm 2013, Bộ Giáo dục Malaysia phát triển kế

hoạch giáo dục đào tạo giai đoạn 2015- 2025, trong đó chính phủ Malaysia thể hiện cam kết rất sâu trong phát triển giáo dục đại học bằng việc đầu tư ở mức tương đối cao so với các nước láng giềng. Tổng chi tiêu hàng năm cho giáo dục đại học đạt mức tương đương 7,7% chi tiêu hàng năm của Chính phủ. Mức chi tiêu này theo so sánh của UNESCO đạt mức cao nhất trong số các nước láng giềng bao gồm cả các nền kinh tế đã phát triển ở châu Á như: Hồng Kông, Singapore, Hàn Quốc và Nhật Bản... Để đạt các mục tiêu đề ra, Kế hoạch đã đề xuất các cơ sở đào tạo đại học thực hiện chuyển đổi sao cho sinh viên ra trường phải đáp ứng phù hợp về nhu cầu của xã hội, được giáo dục toàn diện và có năng lực khởi nghiệp.

Để hỗ trợ sinh viên, Luật Quản lý quỹ Giáo dục đại học quốc gia được ban hành năm 1997 với mục tiêu thiết lập quỹ cung cấp hỗ trợ về tài chính thông qua các khoản vay học tập cho sinh viên tại trường đại học Malaysia. Nó cũng thiết lập chiến lược tiết kiệm với mục tiêu hình thành thói quen tiết kiệm từ nhỏ, từ năm đầu tiểu học, với mục tiêu khuyến khích tự đầu tư chi phí học tập đại học trong tương lai.

### 1.2. Kinh nghiệm Trung Quốc

Giáo dục đại học Trung Quốc đã có sự phát triển vượt bậc trong những thập niên gần đây từ đó đáp ứng nhu cầu xã hội ngày càng tốt hơn, đã có nhiều cơ sở đào tạo đại học Trung Quốc được xếp hạng với vị trí cao bởi các bảng xếp hạng đại học có uy tín trên thế giới, trong đó có hai trường đã lọt vào danh sách 200 trường tốt nhất thế giới là Đại học Bắc Kinh và Đại học Thanh Hoa. Trung Quốc hiện nay đang nhanh chóng trở thành một siêu cường về học thuật, số bài báo xuất bản trên các tạp chí khoa học quốc tế được thực hiện bởi các học giả Trung Quốc ngày càng tăng, số các bằng sáng chế cũng như các chỉ số về năng suất khoa học đã tăng lên hết sức nhanh chóng.



Các trường của Trung Quốc được trao quyền để tự quyết định cách thức sử dụng ngân quỹ còn Nhà nước sẽ giữ vai trò kiểm toán và giám sát việc thực hiện thông qua việc yêu cầu các trường giải trình. Chính phủ Trung Quốc hủy bỏ quy định nộp toàn bộ số dư tiền cuối năm vào NSNN, các trường được giữ lại để sử dụng cho mục đích phát triển. NSNN hỗ trợ cho các trường dựa trên số lượng người học tuyển sinh, tuy nhiên nhà trường được khuyến khích tự chủ tìm nguồn thu thông qua tuyển sinh hệ đào tạo tự trả toàn bộ chi phí đào tạo, cũng như tìm kiếm các hợp đồng nghiên cứu, tư vấn đối với các ngành công nghiệp cũng như huy động sự tài trợ tư nhân.

Thực hiện chuyển đổi từ cách thức quản lý theo kiểu “nhà nước kiểm soát” sang “nhà nước giám sát” nhằm tiếp sức và huy động các cơ sở đào tạo đại học đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước ngày càng tốt hơn. Sự chuyển đổi về chính sách ngày càng theo hướng trao quyền tự chủ cho các trường toàn diện hơn. Cụ thể, Chính phủ Trung Quốc đã thành lập Ủy Ban Quốc gia về giáo dục thay cho Bộ giáo dục để phụ trách về kiểm soát trực tiếp và quản lý sự vận hành của hệ thống giáo dục. Thay vì quản lý hành chính trực tiếp, Ủy ban này thực hiện việc hướng dẫn chung và sự phối hợp trong giáo dục đại học thông qua việc hoạch định chính sách, nghị định, kế hoạch quốc gia để giám sát sự thực hiện các quy tắc và chính sách chủ đạo của Nhà nước về giáo dục đại học, tạo ra sự phối hợp vĩ mô về nhiệm vụ giáo dục giữa các ban ngành, lập kế hoạch và hướng dẫn cải cách giáo dục. Do đó, theo sự cải cách này các trường được trao quyền tự chủ nhiều hơn trong việc vận hành hoạt động của trường, tuyển sinh, tuyển dụng, đề bạt và phát triển cán bộ giáo viên, phát triển chương trình đào tạo, giảng dạy, nghiên cứu khoa học, truyền thông quốc tế và trao đổi học thuật, tạo ra nguồn thu và phân bổ cũng như sử dụng nguồn lực.

Đội ngũ cán bộ, giảng viên của Trung Quốc được đào tạo ở nước ngoài rất nhiều, trong đó có khá nhiều người đã trở thành các nhà lãnh đạo, quản lý của các trường đại học, những người này đã đem lại nhiều cơ hội cho sự giao lưu hợp tác quốc tế trong phát triển giáo dục đại học. Ngoài ra, để phát triển đội ngũ giảng viên, Trung Quốc rất chú trọng thu hút nhà khoa học, học giả từ các nước.

Để có nhiều các nhà khoa học đầu ngành, chính phủ Trung Quốc hỗ trợ các trường đại học thành lập các quỹ có mục đích cung cấp phần thưởng cho giảng viên, nhà khoa học trẻ tuổi: “Quỹ thưởng cho các tài năng của thế kỷ XXI”; “Quỹ tài năng xuyên thế kỷ”; “Trợ cấp cho các nghiên cứu sinh”; “Phần thưởng cho các nhà khoa học trẻ”.

### 1.3. Kinh nghiệm Hàn Quốc

Giáo dục đại học Hàn Quốc có sự phát triển rất nhanh chóng và hiện nay được xem là một trong những nền giáo dục đại học hàng đầu thế giới với hơn

một nửa dân số từ 25-34 tuổi đã hoàn thành giáo dục đại học. Hàn Quốc có khoảng 372 cơ sở giáo dục đại học bao gồm 54 cơ sở công lập và 318 cơ sở tư thục. Các cơ sở giáo dục đại học quốc gia được thành lập, quản lý và hỗ trợ tài chính bởi Chính phủ. Các cơ sở giáo dục đại học tư thục được thành lập và quản lý bởi các tổ chức hoặc cá nhân, chính phủ có một phần trợ cấp tài chính.

Hệ thống giáo dục đại học Hàn Quốc tương đối tập quyền. Các vấn đề quan trọng về quản lý các cơ sở giáo dục đại học bao gồm các tiêu chí thành lập, việc thành lập các khoa, hạn ngạch ng#ời học đầu vào, tuyển dụng, giờ tín chỉ, ... đều tuân theo các quy định và luật giáo dục. Bộ Giáo dục là cơ quan theo dõi, điều phối các chính sách giáo dục đại học. Hội đồng giáo dục đại học Hàn Quốc (The Korean Council for University Education - KCUE) là một cơ quan khác giữ vai trò điều phối giáo dục đại học.

Hàn Quốc có tỷ lệ chi cho giáo dục đại học trên GNP cao nhất trong số các nước OECD với 2,51%, (trung bình OECD là 1,33%). Về tài chính, giáo dục đại học Hàn Quốc chủ yếu dựa vào tư nhân, khu vực này chiếm khoảng 2/3 tổng kinh phí cho giáo dục đại học. Tỷ lệ chi tiêu công cho giáo dục đại học Hàn Quốc chiếm 0,7% GDP thấp hơn mức trung bình của các nước thuộc khối OECD (1.1%). Trợ cấp từ Bộ Giáo dục Hàn Quốc chiếm khoảng 70 % trợ cấp chính phủ cho giáo dục đại học, phần còn lại đến từ các bộ khác do bên dưới những bộ này cũng có những trường đại học trực thuộc.

Một điểm quan trọng của chính sách phân bổ ngân sách nhà nước cho giáo dục đại học của Hàn Quốc là không phân biệt công hay tư. Chính phủ cấp ngân sách theo dự án như Dự án Brain Korea 21, Dự án New University for Regional Innovation (NURI), dự án chuyên môn hóa đại học và các dự án hợp tác khác thông qua cạnh tranh. Quy trình lựa chọn cạnh tranh bắt đầu bằng việc các trường đại học nộp các bản đề xuất dự án cho Chính phủ. Một hội đồng xét duyệt, bao gồm các chuyên gia tư nhân, sẽ đánh giá kế hoạch dự án và xem xét cách thức các trường đại học đã đạt được mục tiêu để có những tiến bộ mang tính phát triển. Chính phủ lựa chọn những dự án xuất sắc và cung cấp các khoản hỗ trợ tài chính nhằm thực hiện dự án đó.

Ngân sách cho giáo dục đại học ở Hàn Quốc còn dựa trên “lựa chọn và tập trung”, thiên về người học hơn như: chương trình “Học trước, trả sau” cho người học vay tiền của Bộ Giáo dục, dự án cho vay được chính phủ đảm bảo của Bộ Giáo dục (Government - Guaranteed Loans Scheme - GGLS), dự án cho vay học phí không tính lãi suất của Tổ chức Nghiên cứu Hàn Quốc (Korea Research Foundation - KRF), dự án cho vay học phí cho nhân viên công vụ và con cái họ của Tổ chức tiền lương cho nhân viên Chính phủ (Government Employees Pension Corporation -



GEPCO) và dự án cho vay hỗ trợ học phí cho con cái của những công nhân thiệt mạng trong tai nạn lao động của Tổ chức Phúc lợi Công nhân Hàn Quốc (Korea Labor Welfare Corporation - WELCO).

## 2. Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam trong xây dựng và thực thi chính sách đào tạo đại học theo nhu cầu xã hội

Từ kinh nghiệm của Malaysia, Trung Quốc và Hàn Quốc, có thể rút ra bài học như sau:

- Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ theo hướng mở rộng quyền tự chủ nhiều hơn trong đó chú trọng tự chủ tài chính. Chỉ trên cơ sở được tự chủ ở mức cao, các cơ sở đào tạo đại học mới đạt được sự năng động, sáng tạo trong tập hợp nguồn lực để thực hiện đào tạo theo nhu cầu xã hội. Cho phép và thúc đẩy đổi mới mạnh mẽ chương trình đào tạo, bỏ những nội dung không cần thiết, bổ sung những nội dung mới đáp ứng yêu cầu đào tạo nhân lực theo nhu cầu xã hội.

- Đẩy mạnh phát triển đội ngũ giảng viên, trong đó chú trọng tuyển chọn và gửi ra nước ngoài đào tạo. Song hành với các chính sách về đào tạo, cần quan tâm thực hiện chính sách động viên, khuyến khích đội ngũ giảng viên thông qua những đãi ngộ xứng đáng cả về vật chất và tinh thần. Phát triển đội ngũ giảng viên trẻ thông qua các quỹ khuyến khích và hỗ trợ.

- Các bộ ngành, các ủy ban và các hiệp hội nghề nghiệp cần phải hợp tác chặt chẽ trong việc xây dựng và phát triển các bộ tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia gắn với yêu cầu của các vị trí việc làm trong thực tế. Các bộ tiêu chuẩn kỹ năng nghề nghiệp là một trong những cơ sở quan trọng để các cơ sở đào tạo đại học phát triển chương trình đào tạo đảm bảo đào tạo đạt kết quả là người học ra trường với đầy đủ các kỹ năng nghề nghiệp đáp ứng tiêu chuẩn.

- Phát triển sự liên kết, hợp tác giữa các trường đại học và doanh nghiệp nói riêng, bên tuyển dụng lao động nói chung nhằm gắn kết giữa học với hành trong quá trình đào tạo từ đó nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội. Thiết lập và phát triển hệ thống đào tạo tiền tuyển dụng nhằm hỗ trợ cho người học tốt nghiệp phát triển các kỹ năng nghề nghiệp trong môi trường thực tế một cách nhanh chóng và kịp thời.

- Hỗ trợ phát triển đa dạng nguồn lực tài chính trong phát triển giáo dục đại học, tích cực và chủ động mở rộng phát triển các nguồn lực tài chính ngoài ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, ngân sách nhà nước vẫn được xem là một nguồn lực quan trọng và luôn coi trọng đầu tư từ ngân sách nhà nước cho giáo dục đại học và thực hiện đầu tư có trọng tâm, trọng điểm theo các chương trình, kế hoạch gắn với mục tiêu cụ thể mà Nhà nước đặt ra.

- Phân bổ ngân sách nhà nước cho giáo dục đại học công bằng hơn khi không phân biệt khu vực công

hay tư mà chuyển sang phân bổ dựa trên đầu ra, dựa trên nhu cầu phát triển giáo dục đại học của Nhà nước cũng như xã hội.

- Nghiên cứu xây dựng và từng bước áp dụng Luật thuế sử dụng lao động. Việc thu thuế sử dụng lao động có thể đem lại tác động tích cực theo nhiều khía cạnh. Một là, bên tuyển dụng lao động sẽ cân nhắc kỹ hơn trong tuyển dụng nhân lực trình độ cao từ đó định hướng cho người học phải cân nhắc kỹ trong việc lựa chọn có nên học đại học hay không, nếu học đại học thì học ngành gì và học ở đâu. Hai là, bên tuyển dụng lao động thể hiện được trách nhiệm với sự nghiệp đào tạo và phát triển nhân lực nói chung và nhân lực trình độ đại học nói riêng. Ba là, ngân sách nhà nước được bổ sung một nguồn tài chính mà có thể là rất lớn từ đó có thể sử dụng để tái đầu tư cho giáo dục đại học, bên tuyển dụng lao động cũng có thể được đầu tư nếu tích cực tham gia liên kết, hợp tác nhằm hỗ trợ các trường đại học đào tạo theo nhu cầu xã hội.

- Các chính sách hỗ trợ người học cần được thực hiện tốt hơn thông qua việc tiếp tục hình thành và phát triển một số quỹ với chức năng cấp các khoản cho vay cho người học. Việt Nam cần tiếp tục hoàn thiện chính sách tín dụng nhằm hỗ trợ tích cực hơn cho người học cũng là hỗ trợ tích cực hơn cho các trường đại học phát triển năng lực đào tạo theo nhu cầu xã hội./.

## Tài liệu tham khảo

Nguyễn Đăng Bằng (2011), "Đào tạo theo nhu cầu xã hội: nhà trường và doanh nghiệp cần có tiếng nói chung", Tạp chí KH&CN Nghệ An. Số 8/2011, tr. 48-50.

Bộ GDĐT (2017), Báo cáo Hội nghị tổng kết Thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động đối với các cơ sở giáo dục đại học công lập theo Nghị quyết số 77/NQ-CP ngày 24/10/2014 của Chính phủ giai đoạn 2014-2017.

Paul Bryant & Phạm Thị Ly (2014), "Một vài nhận xét so sánh về quản lý trường đại học ở Hoa Kỳ và ở Việt Nam" Bài báo cáo tại Hội nghị Giáo dục Quốc tế và So sánh do Trung tâm Nghiên cứu và Giao lưu Văn hóa Giáo dục Quốc tế, Trường ĐH Sư phạm TP HCM tổ chức năm 2014.

Nguyễn Bá Cần (2016), Hoàn thiện chính sách phát triển giáo dục đại học ở Việt Nam hiện nay, Luận án tiến sĩ kinh tế, Trường Đại học Kinh tế quốc dân.